

Y TẾ ĐỒNG NAI TRƯỚC THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

ThS TỬ THANH CHƯƠNG*

Thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2006-2010, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự điều hành và đầu tư của HĐND, UBND tỉnh cũng như sự hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể, ngành Y tế Đồng Nai đã giành được thành tích trên nhiều lĩnh vực như tổ chức bộ máy, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực; khống chế các dịch bệnh; công tác an toàn thực phẩm; nâng cao các dịch vụ khám, chữa bệnh; áp dụng nhiều kỹ thuật cao, kỹ thuật mới phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực y tế; đổi mới cơ chế quản lý; công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động trên địa bàn, tạo được bước chuyển mới trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1. Kết quả.

Bộ máy tổ chức của ngành từng bước được hoàn thiện. Triển khai thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04-02-2008 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, ngành Y tế Đồng Nai đã tiếp nhận nhiệm vụ và thành lập mới Chi cục và 11 Trung tâm Dân số và Kế hoạch hoá gia đình huyện. Đến nay, các hoạt động đã đi vào nề nếp. Đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo trong thời gian qua đã trưởng thành, bộ máy ngày càng phát huy hiệu quả, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, ý thức của nghề thầy thuốc đã có những bước chuyển quan trọng.

Văn phòng Sở và nhiều đơn vị trực thuộc đã áp dụng quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và ISO 14000:2004 vào công tác quản lý. Các cơ sở khám, chữa bệnh đã được hoàn thiện và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm giảm phiền hà và thời gian chờ đợi của người bệnh.

Về đổi mới cơ chế quản lý, nhất là việc thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-4-2006 của Chính phủ về quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp đã đi vào nề nếp, cơ sở được giao quyền tự chủ trong xây dựng bộ máy, công tác tổ chức cán bộ, tiền lương, công tác tài chính, do đó, công tác lãnh đạo trong các đơn vị năng động, sáng tạo hơn, nội lực được phát huy góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác.

Nguồn nhân lực từ kết quả đào tạo sau đại học, đại học, trung cấp, sơ cấp đã tăng cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, toàn ngành đã có cán bộ đạt trình độ tiến sĩ, nhiều thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa II, gần 300 bác sĩ chuyên khoa I và gần 100 người có trình độ đại học. HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết về chế độ thu hút và trợ cấp đối với cán bộ giai đoạn 2009 -2010. Đây là cơ sở và cũng là cơ hội để ngành có thể phát triển nguồn nhân lực.

Trong liên kết đào tạo, ngoài các trường truyền thống, ngành mở thêm nhiều mối liên kết mới như với Trường Đại học Dược Hà Nội, ngoài hình thức đào tạo cũ, lần đầu tiên ngành Y tế Đồng Nai đã đào tạo bác sĩ, dược sĩ, bác sĩ y học cổ truyền hệ chính quy.

Công tác xã hội hoá có một bước tiến

* Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

mới cả trên lĩnh vực hành nghề y - dược - y dược học cổ truyền tư nhân và trong lĩnh vực xã hội hoá tại các cơ sở y tế công lập đưa giá trị xã hội hoá vượt con số 100 tỉ đồng. 11 đơn vị sản xuất dược phẩm với các hình thức đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết, cổ phần hoá với vốn đầu tư gần 100 triệu USD mỗi năm, sản xuất hàng hoá với giá trị gần 500 tỉ đồng. 11 dự án bệnh viện được đăng kí với hơn 300 giường bệnh và một số vốn đăng kí gần 4.000 tỉ đồng. Xã hội hoá y tế ở Đồng Nai đã góp phần rất lớn trong việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân.

Nhiều công trình, dự án đã và đang được đẩy nhanh tiến độ như Bệnh viện đa khoa khu vực Thống Nhất, Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán. Các công trình lớn tiếp tục được khởi công như: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành,... Dự án thiết bị y tế giai đoạn 2006-2007 với giá trị 120 tỉ đồng đã đưa vào phục vụ nhân dân. Trong năm 2008, có 56 trạm y tế được đầu tư nâng cấp và xây mới. Tỉnh và các huyện đều xác định, năm 2009-2010 là những năm cần tập trung đầu tư cho y tế.

Bên cạnh những kết quả trên, ngành Y tế tỉnh Đồng Nai còn gặp những khó khăn:

- Hệ thống tổ chức y tế trên địa bàn tỉnh trong quá trình sắp xếp theo các quy định mới chưa được kiện toàn đầy đủ nên còn khó khăn trong việc chỉ đạo, điều hành. Chính sách đãi ngộ mặc dù đã có nhưng vẫn còn có những bất cập, đặc biệt, là ở tuyến y tế cơ sở chưa thu hút được cán bộ y tế về công tác. Ở các đơn vị lớn, cơ chế sử dụng và thu hút cán bộ chuyên môn có đủ tài, đức vẫn còn bất cập.

- Đồng Nai là một tỉnh phát triển nhanh nên các vấn đề về dịch bệnh, điều kiện vệ sinh môi trường, tai nạn thương tích,... còn nhiều phức tạp. Một số bệnh truyền nhiễm có nguy cơ quay trở lại cùng với nguy cơ xảy ra một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới. Đại bộ phận người

dân còn có nhiều thói quen, phong tục, tập quán lạc hậu trong việc giữ gìn sức khoẻ; do đó, nguy cơ mắc bệnh còn cao. Vấn đề vệ sinh, an toàn thực phẩm trên địa bàn vẫn còn là vấn đề bức xúc nhưng công tác quản lý, đầu tư vẫn chưa đáp ứng kịp.

- Nhu cầu đầu tư cho y tế trên địa bàn tỉnh còn rất lớn nhưng nguồn lực đầu tư cho y tế còn thấp và chưa hợp lý, nhất là đối với hệ thống y tế dự phòng, chưa bố trí kinh phí dự phòng để chủ động phòng chống dịch, kinh phí bố trí cho các bệnh không lây nhiễm quá thấp,...

- Chính sách viện phí chậm đổi mới, trong khi tình trạng suy thoái kinh tế, giá thuốc, hoá chất, vật tư tiêu hao và thiết bị y tế tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các cơ sở y tế, nhất là hệ thống bệnh viện. Do đó, chưa khuyến khích các bệnh viện tăng cường đầu tư để phát triển và chưa khuyến khích người bệnh khám chữa bệnh ở tuyến dưới gây lên sự quá tải cho tuyến trên. Cường độ làm việc cao, thu nhập thấp gây ra tình trạng chảy máu chất xám trong ngành Y tế Đồng Nai.

- Chưa hình thành được đội ngũ quản lý y tế có trình độ chuyên nghiệp, tỉ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo về quản lý y tế, đặc biệt, quản lý kinh tế y tế còn ít dẫn đến nhiều khó khăn, bất cập. Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý ở các cơ sở khám, chữa bệnh chưa theo kịp với điều kiện phát triển chung của kinh tế thị trường, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, điều hành chung của ngành.

2. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới.

Trước hết, về công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực, cần ổn định tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Sở theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP. Thực hiện nhập Phòng Kế hoạch và Tài chính, hình thành mới phòng quản lý hành nghề y dược ngoài công lập, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc. Thành lập Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm cả về tổ chức,

thanh tra và kiểm nghiệm. Thành lập mới Trung tâm kiểm dịch y tế để đáp ứng cho hệ thống cảng đang phát triển và chuẩn bị phục vụ cho Cảng hàng không dân dụng quốc tế Long Thành. Tiếp tục ổn định, bổ sung nhân lực phát triển hệ thống DS-KHHGD. Tăng cường công tác đào tạo gắn với đầu tư cơ sở vật chất và trang bị để phát triển kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả việc luân chuyển cán bộ hỗ trợ tuyến dưới. Nghiên cứu triển khai các bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Thống Nhất.

Thứ hai, đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính nhằm tạo điều kiện để các đơn vị trực thuộc hoạt động và phát triển phù hợp với các quy định của Nhà nước, với nền kinh tế thị trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực cho phòng, chữa bệnh. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, lấy người dân, người bệnh là trung tâm, đưa dịch vụ y tế có chất lượng tiếp cận với người dân.

Tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo Nghị định số 43/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

Ba là, tăng cường đầu tư về kinh tế trong y tế. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nguồn lực đầu tư và các biện pháp đào tạo cán bộ dài hạn, ngắn hạn, tại chỗ, trong nước, ngoài nước. Nâng cấp hệ thống y tế, đào tạo cán bộ, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến xã, huyện để giảm tải cho các bệnh viện tuyến tỉnh và khu vực. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nâng cao hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí. Đào tạo cán bộ, củng cố và nâng cao năng lực các tuyến bệnh viện tỉnh, khu vực, huyện, hệ thống y tế dự phòng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đẩy mạnh triển khai kỹ thuật mới. Thực hiện nghiêm quy chế bệnh viện và các quy định, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật của ngành, giao cho các đơn vị

quy định cụ thể định mức kinh tế kỹ thuật của đơn vị mình, tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, kiểm soát chất lượng dịch vụ y tế.

Tích cực triển khai ứng dụng các kỹ thuật cao, kỹ thuật mới để tránh tụt hậu so với vùng, khu vực. Tăng cường hợp tác kỹ thuật với bên ngoài; đồng thời, xây dựng kế hoạch hợp tác phát triển kỹ thuật cụ thể giữa các tuyến trong tỉnh.

Bằng các nguồn hợp pháp, đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị. Quan tâm đầu tư và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và quản lý.

Bốn là, đẩy mạnh xã hội hoá theo Nghị quyết số 99 của HĐND tỉnh. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về xã hội hoá y tế để phối hợp triển khai thực hiện. Tích cực vận động mọi người dân tham gia chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Mở rộng bảo hiểm y tế bắt buộc và tự nguyện, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế, đa dạng hoá các loại hình để đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Năm là, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp thành lập cơ sở hành nghề y dược; đặc biệt là, các loại hình: phòng khám đa khoa, bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện kết hợp với cơ sở đào tạo để đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Sở Y tế thống nhất quản lý về chuyên môn, nhân lực và tài chính y tế. Thực hiện theo Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị và các đơn vị chuyên môn về y tế ở địa phương được quản lý theo ngành để điều hành có hiệu quả các nguồn tài chính, nhân lực đầu tư trên địa bàn. Cân đối các nguồn tài chính, nhân lực cho các hoạt động trọng tâm, các mục tiêu ưu tiên với nhiệm vụ giao cho các đơn vị. Gắn việc đầu tư với việc đưa bác sĩ, cán bộ y tế luân phiên về cơ sở, huy động lực lượng trong trường hợp phòng chống dịch bệnh, thảm

hoạ, thiên tai. Kết hợp chặt chẽ giữa sự quản lý của Sở với trách nhiệm của UBND các cấp trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Sáu là, thành lập và củng cố hệ thống quản lý, thanh tra, kiểm nghiệm an toàn về sinh thực phẩm (ATVSTP), dược phẩm và mỹ phẩm. Tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn ban chỉ đạo ATVSTP tỉnh và các huyện. Thành lập chi cục ATVSTP tỉnh và hệ thống quản lý, thanh tra ATVSTP các cấp. Tăng cường các hoạt động liên ngành, xây dựng các mô hình điểm về ATVSTP. Củng cố hệ thống kiểm nghiệm, các trung

tâm y tế dự phòng. Đẩy mạnh việc thông tin truyền thông về ATVSTP. Theo dõi chặt chẽ chất lượng, giá cả thị trường thuốc và mỹ phẩm, thực hiện đồng bộ biện pháp kiểm soát.

Bảy là, nâng cao chất lượng công tác DS - KHHGD. Ổn định hệ thống tổ chức, con người và cơ sở vật chất. Tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi, nâng cao chất lượng dịch vụ DS - KHHGD. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện để đảm bảo mục tiêu công tác dân số trên cả 3 mặt: quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số □

* * * * *

HÀ NỘI ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 56)

Thứ ba, đổi mới, nâng cao năng lực các cơ sở ĐT,BD, đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất, trường lớp, phương tiện giảng dạy, học tập; xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý ĐT,BD đạt chuẩn quy định; chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức; đa dạng hoá loại hình ĐT,BD nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả ĐT,BD CB,CC.

Thứ tư, đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp ĐT,BD theo hướng hiệu quả, thiết thực, bám sát thực tiễn, chú trọng kỹ năng thực hành, phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn chức danh, nhiệm vụ ngạch, bậc CB,CC, viên chức.

Thứ năm, đổi mới phương thức, cơ chế, chính sách quản lý ĐT,BD theo hướng khuyến khích tự ĐT,BD trong thực tiễn; gắn kết ĐT,BD với bố trí, sử dụng, giao việc phù hợp để phát huy, thử thách, kích thích tài năng, sáng tạo; lựa chọn, thu hút và ĐT,BD nâng cao đối với những cán bộ khoa học, công nghệ, văn hoá, quy hoạch đô thị, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý kinh doanh giỏi ở các thành phần kinh tế, các nghệ nhân và công nhân lành nghề,

những tài năng trẻ, sinh viên giỏi. Coi trọng xã hội hoá trong ĐT,BD CB,CC, phối kết hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước trong việc thực hiện nhiệm vụ ĐT,BD.

Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng ĐT,BD, khen thưởng, kỉ luật công minh, đồng bộ, kịp thời □

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo số 120 /BC-SNV ngày 10-02-2009 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về kết quả thực hiện công tác nội vụ năm 2008 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2009.
2. Nghị quyết số 20/NQ-TU ngày 28-5-2005 của Ban Thường vụ Thành uỷ Hà Nội về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ĐT,BD CB,CC giai đoạn 2005-2010.
3. Quyết định số 5533/QĐ-UB ngày 04-8-2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đào tạo sau đại học tại Cộng hoà Pháp giai đoạn 2005-2010.
4. Quyết định số 8112/QĐ-UB ngày 13-12-2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đào tạo sau đại học ở trong nước giai đoạn 2006-2010; Chỉ thị số 35/CT-TU ngày 04-8-2005 của Ban Thường vụ Thành uỷ và Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 27-12-2005 của UBND thành phố Hà Nội về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thành phố giai đoạn 2006-2010.